TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS - ST
Ngày: 09 – 3 – 2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn "*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông **Lê Anh Khoa**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Thanh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 538/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp vốn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-DS ngày 13-01-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Bà **T.T.H.N,** sinh năm 1967;

Địa chỉ: đường T, phường H, quận N, TPCT

Đại diện ủy quyền: Ông **T.V.S**, sinh năm 1982 (*Giấy ủy quyền ngày 15/12/2022*) – có mặt.

Địa chỉ: phường B, quận N, TPCT

- ***Bị đơn*:** Ông **P.M.T,** sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: đường V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà T.T.H.N trình bày:

Nguyên trước đây, vào ngày 27/7/2018, ông P.M.T có mời bà góp vốn để mua đất tại hẻm X đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ với số tiền đề nghị bà

hùn là 2.161.000.000 đồng (hai tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu đồng). Sau đó, ông T nói tiền mua đất phần của bà chỉ là 2.100.000.000 đồng (1500m^2 x 1.400.000đ/m^2) và nói đã ứng dư của bà 61.000.000 đồng, phần dư này ông T sẽ trả lại sau. Do có quen biết từ trước và tin tưởng ông T nên bà đã đưa đủ số tiền nêu trên theo giấy ứng tiền "Tiền đất X (T)" được lập ngày 27/7/2018. Sau đó, vào ngày 20/3/2019, ông T lại tiếp tục ứng thêm số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để mua đất tại thửa đất số 360, tờ bản đồ số 75, diện tích là 161,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm để làm đường đi vào thửa đất đã mua lần 01 tọa trong hẻm X đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Đến ngày 28/6/2019, do cần tiền để đóng lãi vay Ngân hàng nên ông T đã đến nhà tôi hỏi vay của tôi số tiền là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Việc vay tiền có lập Biên nhận mượn tiền ngày 28/6/2019. Tuy nhiên sau đó ông T không mua được đất với chủ đất đối với hai thửa đất nêu trên và cũng không trả lại số tiền mà bà đã giao 02 lần cho ông T, kể cả số tiền ông T mượn. Mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ ông P.M.T để yêu cầu ông T trả lại cho bà tổng số tiền nêu trên nhưng ông T không trả mà còn né tránh không hợp tác. Nhận thấy, hành vi của ông P.M.T đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà kính yêu cầu Quý tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Bà yêu cầu ông P.M.T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà các khoản tiền ông T đã ứng của bà để mua đất cho bà nhưng không mua được đất và tiền vay mượn của bà như sau:

- Số tiền ông T ứng của bà lần 01 là 2.161.000.000 đồng (hai tỷ một trăm sáu mươi mốt triệu đồng) theo giấy ứng tiền "Tiền đất X (T)" được lập ngày 27/7/2018 và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày ông T nhận tiền đến ngày nộp đơn khởi kiện là 51 tháng, tương ứng với số tiền là: 2.161.000.000 x 0,83% x 51 tháng = 914.751.300 đồng (chín trăm mười bốn triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm đồng). Tổng cộng gốc và lãi của tiền ứng lần 1 là: 3.075.751.300 đồng (ba tỷ không trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn ba trăm đồng).

- Số tiền ứng lần 2 là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) ông T ứng ngày 20/3/2019 và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày ông T nhận tiền đến ngày nộp đơn khởi kiện là 43 tháng, tương ứng với số tiền là: 400.000.000 x 0,83% x 43 = 142.760.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi của tiền ứng lần 2 là: 542.760.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Buộc ông P.M.T có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền vay nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng Việt Nam) theo "Giấy biên nhận mượn tiền ngày 28/6/2019" và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày ông T nhận tiền đến ngày nộp đơn khởi kiện là 40 tháng, tương ứng với số tiền

là: 200.000.000 x 1,66% x 40 tháng = 132.800.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng gốc và lãi là 332.800.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền bà yêu cầu Tòa án buộc ông P.M.T có trách nhiệm phải hoàn trả cho bà tạm tính đến thời điểm khởi kiện là (1+2+3) =3.951.311.300 đồng (ba tỷ chín trăm năm mươi mốt triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm đồng) và bà yêu cầu tiếp tục tính lãi đến thời điểm xét xử xong vụ án bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông P.M.T quá trình triệu tập vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và yêu cầu thanh toán số nợ gốc của 03 khoản tiền. Về lãi của 02 khoản tiền góp vốn mua đất tính từ ngày nhận tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, về lãi của khoản nợ vay thay đổi yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện yêu cầu tính 1,66%/tháng nhưng nay yêu cầu tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi từ sau ngày xét xử cho đến khi bị đơn thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn. Đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện việc cấp, tống đạt cũng như niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú của bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý*: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch góp vốn để mua đất và có giao dịch vay mượn thể hiện bằng "giấy ứng tiền - "Tiền đất X (T)" được lập ngày 27/7/2018, ngày 20/3/2019 và "Biên nhận mượn tiền lập ngày 28/6/2019" do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp vốn* " theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

3.1 Đối với yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn bà T.T.H.N và bị đơn ông P.M.T có giao dịch vay mượn thể hiện bằng "*Biên nhận mượn tiền lập ngày 28/6/2019*", qua đó số nợ được xác lập là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Biên nhận mượn tiền vừa nêu trên mặc dù không có công chứng hợp pháp nhưng phía nguyên đơn đã xuất trình được biên nhận mượn tiền lập ngày 28/6/2019 bản gốc có chữ ký và ghi tên P.M.T nên xác định đây là chứng cứ có thật, thể hiện có giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn trên số nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn với mức lãi suất 1,66%/tháng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào "*Biên nhận mượn tiền lập ngày 28/6/2019*" chỉ ghi nhận việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn, nội dung biên nhận không ghi nhận thời hạn trả hay ghi nhận có lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, tuy nhiên do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên vẫn phải chịu trách nhiệm trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được áp dụng tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, lãi được tính từ ngày 28/6/2019 đến ngày xét xử là 44 tháng 09 ngày, lãi như sau: 200.000.000 đồng x 0,83% x 44 tháng 09 ngày = 73.538.000 đồng.

3.2 Đối với yêu cầu khởi kiện về hợp đồng góp vốn:

Căn cứ vào chứng cứ là *"giấy ứng tiền* - "Tiền đất X (T)" *được lập ngày 27/7/2018 và ngày 20/3/2019"*, Hội đồng xét xử thấy rằng dựa vào nội dung của giấy ứng tiền ngày 27/7/2018 thể hiện bị đơn ông T đã ghi nhận rằng "*Chị N đã trả số tiền mua đất* "Tiền đất X (T)" *là 2.161.000.000 đồng"* phía dưới xác nhận này ông T đã ký tên và ghi tên của mình vào giấy ứng tiền. Đối với phần tiền ứng đợt 2 ngày 20/3/2019 được thể hiện vào mặt sau của chứng cứ *"giấy ứng tiền* - "Tiền đất X (T)" *được lập ngày 27/7/2018"*, về lần ứng tiền thứ 2 này phía ông T ghi nội dung *"chị N đưa cho T số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng chẵn) để mua đất, thửa đất số 360, tờ bản đồ số 75, diện tích 161,4m^2 loại đất trồng cây lâu năm để làm đường đi vô đất hẻm* X *...."* bên dưới biên nhận này ông T cũng ký tên và ghi đầy đủ họ tên. Nguyên đơn bà N đã xuất trình được bản gốc của giấy ứng tiền 02 đợt này, do vậy xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch góp vốn nhằm mục đích mua đất. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ mua đất như phần ghi nhận của nội dung nên nay bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền gốc là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả lãi trên số tiền gốc đối với giao dịch góp vốn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên vẫn phải chịu trách nhiệm trả lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được áp dụng theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Do đó, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Lãi được tính cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền gốc ứng lần một là 2.161.000.000 đồng, tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày xét xử là 55 tháng 10 ngày, lãi tương ứng: 2.161.000.000 đồng x 0,83% x 55 tháng 10 ngày = 992.475.260 đồng.

Đối với số tiền gốc ứng lần hai là 400.000.000 đồng, tính từ ngày 20/3/2019 đến ngày xét xử là 47 tháng 17 ngày, lãi tương ứng: 400.000.000 đồng x 0,83% x 47 tháng 17 ngày = 157.921.333 đồng.

Về yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn, hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi của hợp đồng vay tài sản là 273.538.000 đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

- Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ tiền góp vốn mua đất cho nguyên đơn tổng cộng gốc và lãi là 3.711.396.593 đồng *(ba tỉ bảy trăm mười một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi ba đồng).*

Và buộc bị đơn ông P.M.T phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số nợ gốc và lãi cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn bà T.T.H.N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 3.984.934.593 đồng, án phí tương ứng: 72.000.000 đồng + (2% phần vượt quá 2.000.000.000 đồng) = 111.698.691 đồng *(một trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi mốt đồng)*.

Nguyên đơn bà T.T.H.N được nhận lại 55.513.500 đồng (*năm mươi lăm triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0000351 ngày 22/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.T.H.N đối với bị đơn ông P.M.T.

- Buộc bị đơn ông P.M.T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T.T.H.N số nợ gốc và lãi của hợp đồng vay tài sản là 273.538.000 đồng (*hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

- Buộc bị đơn ông P.M.T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà T.T.H.N số tiền góp vốn mua đất tổng gốc và lãi là 3.711.396.593 đồng *(ba tỉ bảy trăm mười một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi ba đồng).*

Bị đơn ông P.M.T còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số nợ gốc và lãi cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn bà T.T.H.N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông P.M.T phải chịu tổng án phí: 111.698.691 đồng *(một trăm mười một triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi mốt đồng)*.

Nguyên đơn bà T.T.H.N được nhận lại 55.513.500 đồng (*năm mươi lăm triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000351 ngày 22/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *THADSQNK;*
- *Các đs;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG